

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**
Mã hồ sơ:.....



Đối tượng: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng
Ngành: **Sinh học** Chuyên ngành: **Động vật học**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Họ và tên người đăng ký: **TRẦN ĐỨC HẬU**
- Ngày tháng năm sinh: 31/07/1980; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: **Việt Nam**
Dân tộc: **Kinh**; Tôn giáo: **Không**
- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:
- Quê quán: **Xã Hiền Ninh, Huyện Quảng Ninh, Tỉnh Quảng Bình**
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Phòng 502, Tổ 2, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.**
- Địa chỉ liên hệ: **Trần Đức Hậu, Bộ môn Động vật học, Khoa Sinh học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội**
Điện thoại di động: **0912820043**; Địa chỉ E-mail: **hautd@hnue.edu.vn**
- Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
 - Từ năm 2005 đến năm 2009: **Giảng viên, Khoa Sinh học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.**
 - Từ năm 2009 đến năm 2012: **Giảng viên, Khoa Sinh học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Kochi, Nhật Bản.**
 - Từ năm 2012 năm 2016: **Giảng viên, Khoa Sinh học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.**
 - Từ năm 2016 đến năm 2018: **Giảng viên, Trưởng Bộ môn Động vật học, Khoa Sinh học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.**
 - Từ năm 2018 đến nay: **Giảng viên chính, Trưởng Bộ môn Động vật học, Khoa Sinh học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.**Chức vụ: **Hiện nay: Trưởng Bộ môn Động vật học, Khoa Sinh học; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn.**

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Sinh học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Địa chỉ cơ quan: 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 37 549 530, Fax: 024 37549530.

Địa chỉ E-mail: k.sinhhoc@hnue.edu.vn

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

9. Học vị:

– Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 7 năm 2003, ngành: Sinh-KTNN (chuyên ngành: Động vật học).

Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

– Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 11 năm 2009, ngành: Sư phạm Tiếng Anh.

Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

– Được cấp bằng ThS ngày 09 tháng 02 năm 2007, ngành: Sinh học, chuyên ngành: Động vật học.

Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

– Được cấp bằng TS ngày 20 tháng 9 năm 2012, ngành: Khoa học tích hợp/Sinh học, chuyên ngành: Động vật học.

Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Kochi, Nhật Bản.

10. Đã được công nhận chức danh PGS ngày thángnăm, ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐCDGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐCDGS ngành, liên ngành: Sinh học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Từ khi trở thành giảng viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội năm 2003, thông qua thực tiễn giảng dạy và nghiên cứu cùng với sự định hướng của các chuyên gia đầu ngành trong và ngoài nước, ứng viên đã xác định các hướng nghiên cứu chính như sau:

1) Nghiên cứu phân loại, khu hệ cá và bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam.

Đây là hướng nghiên cứu cơ bản và có tiềm năng để phát triển vì Việt Nam có độ đa dạng sinh học cao nhưng hiện nay đang bị suy giảm bởi nhiều nguyên nhân khác nhau. Trên cơ sở dẫn liệu về đa dạng sinh học, ứng viên mở rộng hướng nghiên cứu

này để đánh giá tác động môi trường. Các kết quả nghiên cứu này góp phần cung cấp dữ liệu cho địa phương làm luận chứng khoa học trong việc xây dựng kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ nguồn lợi.

2) **Nghiên cứu về giai đoạn sớm của cá.** Đây là hướng nghiên cứu mới, rất ít được thực hiện ở Việt Nam, giúp hiểu rõ hơn về đa dạng sinh học cá, sinh thái học, vòng đời của cá, vai trò của sông, rừng ngập mặn đối với giai đoạn sớm của cá. Đây là thông tin cơ bản cho các nghiên cứu tiếp theo, có ý nghĩa trong công tác bảo tồn và phát triển nguồn lợi cá ở Việt Nam.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 07 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS.
- Chủ nhiệm và đã hoàn thành 02 đề tài NCKH cấp Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; 1 đề tài Nagao (Nhật Bản); 1 đề tài IFS (Thụy Điển) và 1 đề tài Nafosted.
- Đã công bố 61 bài báo KH, trong đó 12 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín (Scopus, SCIE và SCI).

❖ 5 công trình KH tiêu biểu nhất:

1. **Hau Duc Tran**, Izumi Kinoshita, Thuy Thi Ta, Kensaku Azuma (2012). Occurrence of Ayu (*Plecoglossus altivelis*) larvae in northern Vietnam. *Ichthyological Research* 59: 169-178. **SCI** (IF: 0,765; H = 8).
2. **Tran Duc Hau**, Ta Thi Thuy (2014). Fish diversity and fishery status in the Ba Che and Tien Yen Rivers, northern Vietnam, with consideration on factors causing recent decline of fishery products. *Kuroshio Science*, 7-2: 113-122 (H = 6).
3. **Hau Tran Duc**, Thuy Thi Ta (2016). Dependence of Hainan medaka, *Oryzias curvinotus* (Nichols & Pope, 1927), on salinity in the Tien Yen estuary of northern Vietnam. *Animal Biology*, 66: 49-64. **SCI** (IF: 1,069; H = 5).
4. Ken Maeda, **Hau Duc Tran**, Heok Hui Tan (2015). Discovery of a substantial continental population of the subfamily Sicydiinae (Gobioidei: Gobiidae) from Vietnam: Taxonomic revision of the genus *Stiphodon* from the western South China Sea. *Raffles Bulletin of Zoology*, 63: 246-258. **SCIE** (IF: 0,956; H = 6).
5. Nguyễn Hữu Dục, **Trần Đức Hậu**, Tạ Thị Thủy (2013). Một loài cá mới thuộc giống *Acheilognathus* Bleeker, 1859 (Cypriniformes: Cyprinidae, Acheilognathinae) được phát hiện ở sông Tiên Yên, Việt Nam. *Tạp chí Sinh học*, 35(1): 18-22 (H = 6).

15. Khen thưởng:

– Bằng khen của Bộ trưởng GD và ĐT về thành tích trong tổ chức IBO 2016, số 2858/QĐ-BGDĐT, ngày 17/8/2016.

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá)

– Là một giảng viên của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, trong 14 năm qua, tôi luôn thực hiện tốt nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định *Luật Giáo dục*, nhiệm vụ của giảng viên theo *Luật Giáo dục đại học* và các quy định khác của pháp luật. Cụ thể:

– Thực hiện công tác giảng dạy say mê và tâm huyết với chất lượng chuyên môn cao; luôn trau dồi kiến thức, sáng tạo trong công việc, không ngừng nâng cao trình độ và đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính chủ động, tích cực của người học; thường xuyên cập nhật kết quả nghiên cứu vào hoạt động giảng dạy. Luôn tạo không khí sôi nổi, tạo hứng khởi cho người học trong các giờ giảng và phát triển năng lực sư phạm.

– Chủ trì và tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học thường xuyên, chất lượng; gắn công tác đào tạo với nghiên cứu khoa học, như: tổ chức cho học viên, sinh viên triển khai các đề tài nghiên cứu theo những hướng nghiên cứu chính của bản thân; cập nhật các phương pháp đào tạo, nghiên cứu khoa học hiện đại, phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục và theo xu thế phát triển giáo dục đại học ở các nước tiên tiến; tích cực hợp tác và triển khai các hoạt động khoa học với các nhóm nghiên cứu chuyên ngành ở trong và ngoài nước để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn thông qua việc tham gia các hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế về hướng nghiên cứu chính. Ứng viên tham gia phản biện bài ở Tạp chí Sinh học và một số tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI và các hội đồng khoa học khác.

– Cá nhân tích cực trong việc thành lập Hội Ngu học Việt Nam và đã tổ chức thành công Hội nghị Khoa học toàn quốc về Ngu học lần thứ nhất vào tháng 6 năm 2019. Qua đó tạo cầu nối trong hợp tác nghiên cứu, giải quyết những vấn đề mang tính quốc gia và quốc tế.

– Tích cực hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học với các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học và các viện nghiên cứu, khu bảo tồn. Bản thân là cầu nối ký kết hợp Bản ghi nhớ giữa Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Viện Khoa học và Công nghệ Okinawa (Nhật Bản). Chủ động trong hợp tác, trao đổi sinh viên, học viên giữa Trường

Đại học Sư phạm Hà Nội và Trường Đại học Niigata, Nhật Bản (hàng năm tuyển chọn 3-4 sinh viên tham gia chương trình Khoá học Sinh học Biển Quốc tế của trường Niigata). Giới thiệu 02 nghiên cứu sinh cho các trường đại học ở Nhật Bản. Bản thân được mời giảng tại Trường Đại học Niigata (năm 2016, 2017, 2018) và mời 05 giáo sư, 02 tiến sỹ tham gia giảng dạy cho lớp Cử nhân Sư phạm đào tạo bằng tiếng Anh cũng như báo cáo các xemina khoa học.

– Tích cực tham gia các hoạt động giáo dục cộng đồng, giáo dục thanh niên, học sinh, sinh viên thông qua công tác lãnh đạo đoàn thanh niên các cấp góp phần giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên, đoàn viên. Tham gia hiệu quả các hoạt động của Công đoàn Khoa và Trường.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 14 năm.

Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD khóa luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013–2014				2	417		417/90,5
2	2014–2015			1	2	264,9		264,9/113,5
3	2015–2016			2	3	655,5	67,5	723/191
3 năm học cuối								
4	2016–2017			1	3	615		615/50
5	2017–2018			2	2	210	67,5	277,5/285
6	2018–2019			1	4	375	180,4	555,4/220

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

– Học ĐH ; Tại nước:

– Bảo vệ luận án TS ; Tại nước: Nhật Bản; năm 2012

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

– Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Cử nhân Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; số bằng: A0062993; năm cấp: 2009.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

– Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

– Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Trường Đại học Niigata (Nhật Bản)

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh giao tiếp (văn bằng, chứng chỉ): C1

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ...đến	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1.	Trần Trung Thành		x		x	2013 – 2015	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2015
2.	Trần Thị Thu Huyền		x	x		2014 – 2016	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2016
3.	Nguyễn Thị Thuý		x	x		2014 – 2016	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2016
4.	Lê Thị Hân		x	x		2015 – 2017	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2017
5.	Hoàng Thị Thảo		x	x		2016 – 2018	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2018
6.	Trần Thị Kim Thoa		x	x		2016 – 2018	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2018
7.	Mai Thị Thu Huyền		x	x		2016 – 2018	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	2018

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học: Không có

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Chủ nhiệm (CN)	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	<i>Sự thâm nhập các loài cá có nguồn gốc từ biển vào sông Long Đại - Quảng Bình (ĐT).</i>	CN	SPHN-06-29 cấp Trường	18 tháng	19/12/2007
2	<i>Nghiên cứu thành phần loài và hiện trạng nguồn lợi cá sông Tiên Yên, Tiên Yên, Quảng Ninh (ĐT).</i>	CN	SPHN-09-354NCS cấp Trường	18 tháng	04/06/2010
3	<i>Study on species the composition of fish fauna of upper reaches of Nhat Le river - Quang Binh province (ĐT).</i>	CN	Nagao (Nhật Bản)	46 tháng	08/08/2011
4	<i>Importance of the Kalong Estuary located in northern Vietnam as a nursery ground for fishes (ĐT).</i>	CN	A/5532-1 (Thụy Điển)	30 tháng	10/05/2017
5	<i>Nghiên cứu giai đoạn sớm của cá Thom (Plecoglossus altivelis) ở sông Tiên Yên, bắc Việt Nam (ĐT).</i>	CN	Nafosted/106-NN.05-2014.03	24 tháng	23/03/2018

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
TRƯỚC KHI BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ								
1.	Hai loài cá mới thuộc giống <i>Toxabramis</i> Gunther, 1873 (Cyprinidae, Cypriniformes) ở Việt Nam.	4	<i>Tạp chí Sinh học</i> ISSN 0866-7160			28/2	17-20	2006
2.	Thành phần các loài cá (trừ bộ cá Vược Perciformes) thuộc lưu vực sông Long Đại tỉnh Quảng Bình.	3	<i>Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội</i> ISSN 0868-3719			1	94-99	2007
3.	Thành phần loài cá ở Ngòi Thia thuộc huyện Văn Chân - tỉnh Yên Bái.	2	<i>Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ</i> ISSN 0866-8612			23/2S	259-263	2007
4.	Dẫn liệu các loài cá thuộc bộ cá Vược (Perciformes) lưu vực sông Long Đại - Quảng Bình.	3	<i>Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ</i> ISSN 0866-8612			23/2S	254-258	2007
5.	Một loài cá mới thuộc phân giống <i>Spinibarbichthys</i> Oshima, 1926 (<i>Spinibarbus</i> , Cyprinidae, Cypriniformes) tìm thấy ở sông Mã và sông Ngàn Phố.	3	<i>Tạp chí Sinh học</i> ISSN 0866-7160		2	29/2	22-25	2007
6.	Thành phần loài cá ở sông Kiến Giang, Quảng Bình.	4	<i>Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội</i> ISSN 0868-3719				24-34	2008
7.	Đa dạng sinh học cá sông Hồng thuộc Xuân Trường, tỉnh Nam Định.	2	<i>Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội</i> ISSN 0868-3719				16-23	2008
8.	Dẫn liệu các loài cá sông Tiên Yên thuộc huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.	4	<i>Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ</i> ISSN 0866-8612			26/2S	237-246	2010
9.	Occurrence of the Ayu (<i>Plecoglossus altivelis</i>) larvae in northern Vietnam.	4	<i>Ichthyological Research</i> ISSN 1341-8998	SCI (IF: 0,895)	8	59/2	169-178	2012

SAU KHI BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ							
10.	Dẫn liệu bước đầu loài cá Thom (<i>Plecoglossus altivelis</i>) ở Việt Nam.	3	Hội nghị khoa học quốc gia lần thứ nhất về Nghiên cứu và giảng dạy sinh học ở Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp Hà Nội ISBN 978-604-60-0157-7			94-99	2012
11.	Preliminary study on relation of Ayu (<i>Plecoglossus altivelis</i>) from Vietnam with its congener using a mitochondrial DNA marker.	4	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học cán bộ trẻ các trường sư phạm toàn quốc lần thứ 3, Nxb. Đà Nẵng KHXB:213-2013/CXB/06-2/ĐaN			79-83	2013
12.	Morphological description of <i>Lateolabrax</i> sp. juveniles from the Tien Yen and Kalong estuaries, Vietnam.	1	<i>Journal of Sciences, Hanoi National University of Education</i> ISSN 0868-3719		58/9	157-162	2013
13.	Bổ sung loài <i>Sineleotris saccharae</i> (Họ cá Bống tròn – Odontobutidae) cho khu hệ cá Việt Nam.	2	<i>Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội</i> ISSN 0868-3719		58/3	105-110	2013
14.	Một loài cá mới thuộc giống <i>Acheilognathus</i> Bleeker, 1859 (Cypriniformes: Cyprinidae, Acheilognathinae) được phát hiện ở sông Tiên Yên, Việt Nam.	3	<i>Tạp chí Sinh học</i> ISSN 0866-7160	6	35/1	18-22	2013
15.	Mô tả hình thái ấu trùng và cá con loài cá Đục bạc <i>Sillago sihama</i> (Forsskål, 1775) thu được ở cửa sông Tiên Yên.	3	<i>Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ</i> ISSN 0866-8612		30/1S	58-64	2014
16.	Phân bố ấu trùng và cá con loài cá vược <i>Lateolabrax</i> sp. ở sông Tiên Yên và Kalong, Việt Nam.	2	<i>Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ</i> ISSN 0866-8612		30/6S	137-142	2014

17.	Mô tả hình thái ấu trùng và cá con loài <i>Nuchequula nuchalis</i> (Temminck & Schlegel, 1845).	3	<i>Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội</i> ISSN 0868-3719		2	59/6BC	117-124	2014
18.	Morphological description of Saddleback silver-biddy (<i>Gerres limbatus</i>) larvae and juveniles from the Tien Yen estuary, Vietnam.	3	<i>Journal of Sciences, Hanoi National University of Education</i> ISSN 0868-3719			59/9	88-94	2014
19.	Fish diversity and fishery status in the Ba Che and Tien Yen Rivers, northern Vietnam, with consideration on factors causing recent decline of fishery products.	2	<i>Kuroshio Science</i> ISSN 1882-823X	Quốc tế	7	7/2	113-122	2014
20.	The potential biodiversity of Ayu, as evidenced by differences in its early development and growth between Vietnam and Japan.	7	<i>Environmental Biology of Fishes</i> ISSN 0378-1909	SCI (IF: 1,57)	3	97/12	1387-1396	2014
21.	Biến đổi hình dạng đá tai theo sự phát triển của ấu trùng và cá con loài cá Đục bạc (<i>Sillago sihama</i> Forsskal, 1775) ở cửa sông Tiên Yên, Quảng Ninh.	3	<i>Hội nghị khoa học toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ 6</i> , Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISBN 978-604-913-408-1				1378-1383	2015
22.	Ấu trùng, cá con loài cá cẵng ong (<i>Terapon jarbua</i>) ở một số cửa sông miền Bắc Việt Nam.	3	<i>Hội nghị khoa học toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ 6</i> , Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISBN 978-604-913-408-1				315-320	2015
23.	Phân bố ấu trùng và cá con loài cá Đục bạc (<i>Sillago sihama</i>) ở cửa sông Tiên Yên, Quảng Ninh, Việt Nam.	3	<i>Tạp chí Nông nghiệp và PTNT</i> , Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ISSN 1859-4581			17	105-109	2015
24.	Phân bố cá bống chu nơ (<i>Gobiopterus chuno</i>) ở cửa sông Tiên Yên, Quảng Ninh.	4	<i>Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học</i>			31/4S	102-107	2015

			<i>Tự nhiên và Công nghệ</i> ISSN 0866-8612					
25.	Bổ sung dẫn liệu về hình thái và phân bố loài cá thom (<i>Plecoglossus altivelis</i>) ở Việt Nam.	3	<i>Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ</i> ISSN 0866-8612		2	31/4S	422-428	2015
26.	Diversity of otolith morphology in <i>Nuclequula nuchalis</i> (Temminck & Schlegel, 1845) larvae and juveniles collected in the Tien Yen estuary, northern Vietnam.	4	<i>Tropical Natural History</i> ISSN 1513-9700	Quốc tế Scopus: 2017)	1	15/1	69-79	2015
27.	Discovery of a substantial continental population of the subfamily Sicydiinae (Gobioidei: Gobiidae) from Vietnam: Taxonomic revision of the genus <i>Stiphodon</i> from the western South China Sea.	3	<i>Raffles Bulletin of Zoology</i> ISSN 0217-2445	SCIE (IF: 0,927) SCI (2018)	6	63	246-258	2015
28.	Fish species composition in the Red River and its tributaries in the Yen Bai Province, Vietnam.	3	<i>Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội</i> ISSN 0868-3719			60/9	97-103	2016
29.	Mô tả hình thái ấu trùng và cá con loài <i>Gerres erythrourus</i> (Bloch, 1791) thu được ở cửa sông Kalong, tỉnh Quảng Ninh.	3	<i>Hội nghị khoa học quốc gia lần thứ hai về Nghiên cứu và giảng dạy sinh học ở Việt Nam</i> , Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội ISBN 978-604-62-5440-9				525-530	2016
30.	Phân bố của ấu trùng, cá con của một loài cá bống diều thuộc giống <i>Branchigobius</i> ở cửa sông Tiên Yên, Miền Bắc Việt Nam.	4	<i>Hội nghị toàn quốc lần thứ hai hệ thống bảo tàng thiên nhiên Việt Nam</i> , Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISBN 978-604-913-440-1				640-645	2016
31.	Occurrence of <i>Hypoatherina valenciennei</i> (Bleeker, 1854) post-larvae and juveniles collected at estuarine	3	<i>Tropical Natural History</i> ISSN 1513-9700	Quốc tế (Scopus : 2017)	2	16/2	107-117	2016

	habitats of northern Vietnam.							
32.	Importance of Tien Yen Estuary (Northern Vietnam) for Early- Stage <i>Nuclequula nuchalis</i> (Temminck & Schlegel, 1845).	3	<i>Chiang Mai University Journal of Natural Sciences</i> ISSN 2465-4337	Scopus	3	15/1	67-75	2016
33.	Dependence of Hainan medaka, <i>Oryzias curvinotus</i> (Nichols & Pope, 1927), on salinity in the Tien Yen estuary of northern Vietnam.	2	<i>Animal Biology</i> ISSN 1570-7555	SCI (IF: 0,574)	5	66/1	49-64	2016
34.	Mô tả hình thái ấu trùng và cá con loài cá nóc sao <i>Takifugu niphobles</i> (Jordan & Snyder, 1901) ở khu vực cửa sông tỉnh Quảng Ninh.	4	<i>Tạp chí Khoa học, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2</i> ISSN 1859-2325			49	78-84	2017
35.	Nghiên cứu hình thái đá tai của ấu trùng và cá con loài cá Căng (<i>Terapon jarbua</i>) ở cửa sông Ka Long, Việt Nam.	3	<i>Hội nghị khoa học toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ 7</i> , Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISBN 978-604-913-615-3				687-693	2017
36.	Morphological variations of larvae and juveniles of <i>Acanthopagrus latus</i> collected from Northern Vietnam.	3	<i>Hội nghị khoa học toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ 7</i> , Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISBN 978-604-913-615-3				548-553	2017
37.	Đặc điểm hình thái các loài thuộc họ cá Đồi (Mugilidae) ở cửa sông Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.	4	<i>Hội nghị khoa học toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ 7</i> , Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISBN 978-604-913-615-3				678-686	2017
38.	Hình thái ấu trùng, cá con bộ cá Bơn (Pleuronectiformes) ở ven bờ cửa sông Ka Long	5	<i>Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia</i>			33/2S	32-37	2017

	và Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.		<i>Hà Nội, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ</i> ISSN 2588-1140						
39.	Phân bố ấu trùng, cá con bộ cá Bơn (Pleuronectiformes) ở cửa sông Ka Long và Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.	4	<i>Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ</i> ISSN 2588-1140			33/2S		26-31	2017
40.	Đặc điểm phân bố ấu trùng và cá con của loài <i>Takifugu niphobles</i> (Jordan & Snyder, 1901) ở cửa sông Tiên Yên và Ka Long, Bắc Việt Nam.	5	<i>Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội</i> ISSN 0868-3719			62/3		97-106	2017
41.	Hình thái giai đoạn sớm 3 loài thuộc bộ cá Trích (Clupeiformes) ở cửa sông Kalong và Tiên Yên, Việt Nam.	2	<i>Tạp chí Sinh học</i> ISSN 0866-7160			39/2		142-151	2017
42.	Sự xuất hiện ấu trùng, cá con ở vùng nước ven bờ tại cửa sông Sò, tỉnh Nam Định.	3	<i>Tạp chí Sinh học</i> ISSN 0866-7160		1	39/2		152-160	2017
43.	Morphological and molecular identification of species of catfish genus <i>Cranoglanis</i> from Lam River, Nghe an, Vietnam.	4	<i>Biological Forum-An International Journal</i> ISSN 0975-1130	Quốc tế		9/2		01-07	2017
44.	Occurrence of two type larvae of the Asian seaperch (<i>Lateolabrax</i>) in the northern estuaries of Vietnam.	3	<i>Ichthyological Research</i> ISSN 1341-8998	SCI (IF: 0,765)	3	64/2		244-249	2017
45.	Downstream migration of newly-hatched ayu (<i>Plecoglossus altivelis</i>) in the Tien Yen River of northern Vietnam.	3	<i>Environmental Biology of Fishes</i> ISSN 0378-1909	SCI (IF: 1,514)	3	100		1329-1341	2017
46.	Reproductive biology of the ayu (<i>Plecoglossus altivelis</i>) from its southernmost distribution range.	3	<i>Asian Fisheries Science</i> ISSN 0116-6514	Scopus		30/4		274-283	2017
47.	Vai trò cửa sông Ka Long, tỉnh Quảng Ninh đối với ấu trùng và cá con loài <i>Ambassis vachellii</i> Richardson, 1846.	4	<i>Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội</i> ISSN 2354-1504			18		127-135	2017
48.	Đa dạng hình thái răng hầu của các loài thuộc phân họ cá Bống	4	<i>Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội</i> ISSN 2354-1504			20		127-135	2017

	(Cyprinidae: Barbinae) ở Việt Nam.							
49.	Đặc điểm ống tiêu hóa của ấu trùng và cá con loài cá cãng ong <i>Terapon jarbua</i> (Forsskal, 1775) thu tại một số cửa sông miền Bắc Việt Nam.	4	<i>Hội thảo khoa học quốc tế về Tự chủ hoạt động khoa học công nghệ tại các trường đại học đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0</i> , Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội ISBN 978-604-62-4759-3				638-644	2018
50.	Hình thái đá tai ấu trùng, cá con của cá sơn <i>Ambassis vachellii</i> (Richardson, 1846) ở cửa sông Ka Long, tỉnh Quảng Ninh.	3	<i>Hội nghị khoa học quốc gia lần thứ ba về Nghiên cứu và giảng dạy sinh học ở Việt Nam</i> , Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISBN 978-604-913-695-5				298-304	2018
51.	Một số dẫn liệu về cấu tạo trong của loài cá đoi vây trước <i>Liza affinis</i> (Günther, 1861) ở sông Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.	4	<i>Hội nghị khoa học quốc gia lần thứ ba Nghiên cứu và giảng dạy sinh học ở Việt Nam lần thứ 3</i> , Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISBN 978-604-913-695-5				347-353	2018
52.	Phân bố cá theo kiểu rừng tại Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai.	3	<i>Hội nghị khoa học quốc gia lần thứ ba về Nghiên cứu và giảng dạy sinh học ở Việt Nam</i> , Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISBN 978-604-913-695-5				491-500	2018
53.	Habitat segregation of <i>Gerres japonicus</i> and <i>G. limbatus</i> in early stages in the Tien Yen estuary,	4	<i>Academia Journal of Biology</i> ISSN 0866-7160		1	40/4	133-141	2018

	northern Vietnam.							
54.	Early life stages and habitats of the Ayu (<i>Plecoglossus altivelis</i>) based on data from the southernmost populations in two river-estuary systems in Vietnam.	6	<i>Asian Fisheries Science</i> ISSN 0116-6514	Scopus		31/1	1-16	2018
55.	Larval description and habitat utilization of an amphidromous goby, <i>Redigobius bikolanus</i> (Gobiidae).	3	<i>Animal Biology</i> ISSN 1570-7555	SCI (IF: 1,069)	2	68/1	15-26	2018
56.	List of fish in the Hong River Basin, Viet Nam.	3	<i>Proceedings of the First National Conference on Ichthyology in Vietnam.</i> Publishing House for Science and Technology ISBN: 978-604-913-831-7				22-38	2019
57.	Dẫn liệu bước đầu nguồn lợi cá tại các hồ ở thành phố Hà Nội.	4	<i>Hội nghị khoa học toàn quốc về Ngư học lần thứ nhất,</i> Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISBN: 978-604-913-831-7				84-92	2019
58.	Đặc điểm phân bố của ấu trùng và cá con loài cá sơn <i>Ambassis vachellii</i> tại khu vực cửa sông Ba Lạt và Vườn quốc gia Xuân Thủy, tỉnh Nam Định.	3	<i>Hội nghị khoa học toàn quốc về Ngư học lần thứ nhất,</i> Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISBN: 978-604-913-831-7				128-137	2019
59.	New insights into early stages of <i>Lateolabrax maculatus</i> (McClelland, 1844) in a tropical estuary of northern Vietnam.	3	<i>Regional Studies in Marine Science.</i> DOI:10.1016/j.rsma.2019.100727. ISSN 2352-4855	SCIE (IF: 1,152)		30	Online 10 June	2019
60.	Tổng quan nghiên cứu giai đoạn sớm cá ở Việt Nam.	4	<i>Tạp chí Sinh học:</i> DOI: https://doi.org/10.15625/0866-7160/v41n2.1375 2. ISSN 0866-7160			41/2	1-12	2019

61.	Simultaneous and sympatric occurrence of early juveniles of <i>Acanthopagrus latus</i> and <i>A. schlegelii</i> (Sparidae) in the estuary of northern Vietnam.	3	<i>Limnology</i> . https://doi.org/10.1007/s10201-019-00581-3. ISSN 1439-8621 (Print) 1439-863X (Online)	SCIE (IF: 1,130)		Online 21 June	2019
-----	--	---	--	------------------	--	----------------	------

- Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được cấp bằng TS: 11

7.2. **Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:** Không có.

7.3. **Giải thưởng quốc gia, quốc tế:** Không có.

8. **Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học**

Đang tham gia xây dựng và phát triển chương trình đào tạo đại học của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội theo quyết định số 4130/QĐ-ĐHSPHN-ĐT ngày 25/6/2018.

9. **Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:** Không có

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 1 tháng 7 năm 2019

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Trần Đức Hậu
Trần Đức Hậu

D. XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NƠI ĐANG LÀM VIỆC

- Về những nội dung “Thông tin cá nhân” ứng viên đã kê khai;
- Về giai đoạn ứng viên thuộc biên chế giảng viên đại học và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn này.

Trong những trường hợp còn lại người khai tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

Hà Nội, ngày 2 tháng 7 năm 2019

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. Nguyễn Văn Minh